

Số: 3768 / QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Thanh toán tiền giảng dạy lớp tổ chức riêng (lớp đặc biệt) học kỳ II năm học 2018-2019 (bổ sung lần 1)

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy định quản lý nguồn thu và Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành kèm theo Quyết định số 489/QĐ-HVN ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thanh toán tiền giảng dạy lớp tổ chức riêng (lớp đặc biệt) học kỳ II năm học 2018-2019 (bổ sung lần 1) cho các nhà giáo có tên trong danh sách đính kèm.

Tổng số tiền thanh toán: **31.476.250** đồng.

Trong đó:

1. Tiền thanh toán dạy lớp đại học: **28.541.500** đồng.

2. Tiền thanh toán dạy lớp sau đại học: **2.934.750** đồng.

Bằng chữ: Ba mươi một triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các nhà giáo có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, TCCB, LT(10).





BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY LỚP TỎ CHỨC RIÊNG (LỚP ĐẶC BIỆT)

HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019 (Bổ sung lần 1)

(Kèm theo Quyết định số **3768** /QĐ-HVN ngày **14** tháng 10 năm 2019
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

TT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã	Bộ môn	Tiết QĐ (tiết)	Tiết thanh toán (tiết)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Trừ số chi thừa năm trước (đồng)	Còn nhận (đồng)	Ghi chú
1	BCY03	Nguyễn Đức	Huy	1	Bệnh cây	30.10	30.10	65,000	1,956,500		1,956,500	
2	CCN01	Đình Thái	Hoàng	1	Cây công nghiệp	30.10	30.10	65,000	1,956,500		1,956,500	
3	RAQ03	Vũ Thanh	Hải	1	Rau Hoa Quả và Cảnh quan	60.20	60.20	65,000	3,913,000		3,913,000	
4	TVA07	Nguyễn Hữu	Cường	1	Thực vật	45.10	45.10	65,000	2,931,500		2,931,500	
5	CNK16	Vũ Đình	Tôn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	30.10	45.15	65,000	2,934,750		2,934,750	
6	QDD05	Đỗ Thị Đức	Hạnh	3	Quản lý đất đai	30.10	30.10	65,000	1,956,500		1,956,500	
7	QDD09	Phan Thị Thanh	Huyền	3	Quản lý đất đai	30.10	30.10	65,000	1,956,500		1,956,500	
8	TTD06	Phạm Văn	Vân	3	Hệ thống thông tin đất đai	61.10	61.10	65,000	3,971,500		3,971,500	
9	TBD02	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3	Trắc địa bản đồ	30.40	30.40	65,000	1,976,000		1,976,000	
10	PHL06	Vũ Văn	Tuấn	6	Pháp luật	30.60	30.60	65,000	1,989,000		1,989,000	
11	CNS03	Nguyễn Thị Bích	Thùy	8	Công nghệ Sau thu hoạch	30.60	30.60	65,000	1,989,000		1,989,000	
12	GTC03	Hoàng Minh	Sơn	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	30.40	30.40	65,000	1,976,000		1,976,000	
13	CMT07	Phạm Châu	Thùy	13	Công nghệ môi trường	30.30	30.30	65,000	1,969,500		1,969,500	
TỔNG CỘNG						469.20	484.25		31,476,250		31,476,250	

Tổng số tiền thanh toán:

31,476,250 đồng

Bằng chữ:

Ba mươi một triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng./.



BẢNG CHI TIẾT THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY LỚP TỰ CHỨC RIÊNG (LỚP ĐẶC BIỆT) HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019 (Bổ sung lần 1)

(Kèm theo Quyết định số **3768** /QĐ-HVN ngày **14** tháng 10 năm 2019
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ tên	Tên	Mã	Bộ môn	Tên học phần	Số SV (SV)	Tiết QĐ (tiết)	Tiết thanh toán (tiết)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Trừ số chi thừa năm trước (đồng)	Còn nhận (đồng)	Ghi chú
1	BCY05	Nguyễn Đức Huy	1	Bệnh cây	Bệnh cây đại cương	1	30.10	30.10	65,000	1,956,500		1,956,500	
2	CCN01	Đình Thái Hoàng	1	Cây công nghiệp	Cây công nghiệp đại cương	1	30.10	30.10	65,000	1,956,500		1,956,500	
3	RAQ03	Vũ Thanh Hải	1	Rau Hoa Quả và Cảnh quan	Cây ăn quả đại cương	1	30.10	30.10	65,000	1,956,500		1,956,500	
4	RAQ03	Vũ Thanh Hải	1	Rau Hoa Quả và Cảnh quan	Cây rau đại cương	1	30.10	30.10	65,000	1,956,500		1,956,500	
5	TVA07	Nguyễn Hữu Cường	1	Thực vật	Thực vật học	1	45.10	45.10	65,000	2,931,500		2,931,500	
6	CNK16	Vũ Đình Tôn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	Hệ thống chăn nuôi	1	30.10	45.15	65,000	2,934,750		2,934,750	Dạy lớp Cao học
7	QDD05	Đỗ Thị Đức Hạnh	3	Quản lý đất đai	Thanh tra đất	1	30.10	30.10	65,000	1,956,500		1,956,500	
8	QDD09	Phan Thị Thanh Huyền	3	Quản lý đất đai	Bồi thường giải phóng mặt bằng	1	30.10	30.10	65,000	1,956,500		1,956,500	
9	TTD06	Phạm Văn Vân	3	Hệ thống thông tin đất đai	Hệ thống thông tin BĐS	5	30.60	30.60	65,000	1,989,000		1,989,000	
10	TTD06	Phạm Văn Vân	3	Hệ thống thông tin đất đai	Hệ thống thông tin BĐS	4	30.50	30.50	65,000	1,982,500		1,982,500	
11	TBD02	Nguyễn Thị Thu Hiền	3	Trắc địa bản đồ	Trắc địa ảnh	3	30.40	30.40	65,000	1,976,000		1,976,000	
12	PHL06	Vũ Văn Tuấn	6	Pháp luật	Pháp luật đại cương	5	30.60	30.60	65,000	1,989,000		1,989,000	
13	CNS03	Nguyễn Thị Bích Thùy	8	Công nghệ Sau thu hoạch	Công nghệ bảo quản quả	5	30.60	30.60	65,000	1,989,000		1,989,000	
14	GTC03	Hoàng Minh Sơn	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	Mô học 1	3	30.40	30.40	65,000	1,976,000		1,976,000	
15	CMT07	Phạm Châu Thùy	13	Công nghệ môi trường	Công nghệ môi trường	2	30.30	30.30	65,000	1,969,500		1,969,500	
TỔNG CỘNG								469.2	484.25	31,476,250		31,476,250	

Tổng số tiền thanh toán:

31,476,250 đồng

Bằng chữ:

Ba mươi một triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng./.